

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 702/2020/DS-PT

Ngày 24/12/2020

V/v “Tranh chấp đòi lại tài sản, tranh chấp di sản thừa kế và đòi bồi thường thiệt hại về tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Ông Võ Văn Khoa

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 422/2020/DS-PT ngày 11/8/2020 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản, tranh chấp di sản thừa kế và đòi bồi thường thiệt hại về tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2019/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4011/2020/QĐ-PT ngày 17 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Võ Văn T (T), sinh năm 1945 (có mặt).

Địa chỉ: Số 1152/148 đường H, khu vực 1, phường H, thị xã N, tỉnh Hậu Giang;

1.2. Ông Võ Tấn P (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 19 Lexington Place Sunny Hills QLD 4109 Australia.

Người đại diện theo ủy quyền của ông P: Ông Nguyễn Thành Vĩnh Th;
Địa chỉ: Số 27 đường C, khu vực 1, phường 3, thành phố V, tỉnh Hậu Giang - Giấy ủy quyền ngày 11/8/2017 (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Võ Thị L, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Số 42 đường L, khu vực 1, phường 1, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Chỗ ở hiện nay: Ấp 3, xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang;

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Võ Văn T1 (đã chết)

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T1 gồm:

3.1.1 Bà Trần Thị L (vắng mặt);

3.1.2 Anh Võ Anh K (vắng mặt);

3.1.3 Anh Võ Anh T (vắng mặt);

3.1.4 Anh Võ Tấn T (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

3.1.5 Chị Võ Ngọc T (vắng mặt);

Địa chỉ: Đường 30/4, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

3.1.6 Chị Võ Ngọc H (vắng mặt);

Địa chỉ: 174/20, đường T, Phường An T, quận B, thành phố Cần Thơ.

3.1.7 Chị Võ Ngọc A (vắng mặt);

Địa chỉ: 1103-10, Hwasan- ri Sudong- myeon Hamyang-gun Gyeongsangnam- do, Korea.

3.2. Bà Võ Thị Y, sinh năm 1947 (có mặt).

Địa chỉ: Khu 1A, ấp N, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3.3. Ông Võ Văn M (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 8, ấp 1, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông G: Bà Võ Thị N, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số 42 đường L, khu vực 1, phường 1, thành phố V, tỉnh Hậu Giang - Giấy ủy quyền ngày 02/10/2020 (có mặt).

3.4. Ông Võ Văn G (vắng mặt).

Địa chỉ: 50, Duke Ave Para Hills South Australia 5120.

Người đại diện theo ủy quyền của ông G: Ông Nguyễn Thành Vĩnh Th;

Địa chỉ: Số 27 đường C, khu vực 1, phường 3, thành phố V, tỉnh Hậu Giang - Giấy ủy quyền ngày 18/7/2019 (có mặt).

3.5. Bà Võ Thị L (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 24 Gafield Street, North Richmond, VIC, 3121, Australia.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Nguyễn Thành Vĩnh Th; Địa chỉ: Số 27 đường C, khu vực 1, phường 3, thành phố V, tỉnh Hậu Giang - Giấy ủy quyền ngày 18/7/2019 (có mặt).

3.6. Bà Võ Thị N, sinh năm 1959; Địa chỉ: Số 42 đường L, khu vực 1, phường 1, thành phố V, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

3.7. Bà Võ Thị Thanh N1; Địa chỉ: Số 42 đường L, khu vực 1, phường 1, thành phố V, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà N1: Bà Võ Thị N - Giấy ủy quyền ngày 15/01/2019 (có mặt).

3.8. Ông Nguyễn Tiến H. Địa chỉ: Số 525 đường T, phường 1, thành phố V, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

3.9. Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn Út. Chức vụ: Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang – Văn bản ủy quyền số 3614/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 11/12/2020 (có mặt).

3.10. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

3.11. Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng Anh. Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang - Văn bản ủy quyền số 2619/UBND-TCĐ ngày 07/12/2020 (có mặt).

Người kháng cáo: Ông Võ Văn T (T), ông Võ Tấn P, bà Võ Thị Y, ông Võ Văn M, ông Võ Văn G, bà Võ Thị L1, bà Võ Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Võ Văn T trình bày:

Cha ông là cụ Võ Văn Thuận, chết năm 1992, mẹ ông là cụ Võ Thị Ngãi, chết năm 1995. Sinh thời cụ Thuận và cụ Ngãi có 10 người con gồm: Võ Văn T1 (chết ngày 2/3/1988), Võ Văn T, Võ Thị Y, Võ Văn S (chết năm 2016), Võ Văn M, Võ Văn G, Võ Thị N, Võ Tấn P, Võ Thị L1 và Võ Thị L. Lúc còn sống, cha mẹ ông tạo lập được nhiều tài sản gồm nhà ở, ruộng, vườn. Sau khi cha ông chết thì ngày 27/8/1993 mẹ ông lập Tờ chia phần cho các con, theo đó các tài sản khác là ruộng, vườn, nhà máy thì mẹ ông đã chia cho các con ổn định, riêng ngôi nhà số 110 (nay là số 42) đường Lê Lợi, ấp 5, thị trấn Vị Thanh, nay là thành phố V, tỉnh Hậu Giang (gọi tắt nhà đất số 42) thì thống nhất giao cho ông Võ Tấn P quản lý, thờ cúng ông bà. Tuy nhiên

vào năm 2001, bà Võ Thị L lập hồ sơ không để một mình khai nhận thừa kế là căn nhà và đất số 42 đường Lê Lợi và được Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất vào ngày 11/01/2002 và hiện đang bị cơ quan thi hành án kê biên để thi hành bản án của vợ chồng bà L. Nay ông yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở cấp cho bà Võ Thị L, công nhận căn nhà và đất đang tranh chấp là di sản của cụ Thuận và cụ Ngãi để lại và là tài sản chung của 10 người thừa kế, đề nghị giữ nguyên căn nhà và đất không chia, để làm nơi thờ cúng, nếu bà L có yêu cầu chia thì các hàng thừa kế còn lại sẽ trả giá trị phần được hưởng cho bà L. Theo tờ thỏa thuận ngày 27/8/1993 thì thỏa thuận giao cho ông P quản lý căn nhà, nay ông P định cư ở nước ngoài thì các hàng thừa kế sẽ cử người khác quản lý căn nhà và đất.

Theo đơn khởi kiện ngày 08/8/2017, quá trình tố tụng nguyên đơn ông Võ Tấn P và đại diện theo ủy quyền của ông P trình bày:

Cha ông là cụ Thuận, chết năm 1992, mẹ ông là cụ Ngãi, chết năm 1995. Theo Tờ chia phần cho các con của mẹ ông lập ngày 27/8/1993 thì căn nhà số 110 (nay là số 42) đường Lê Lợi, ấp 5, thị trấn Vị Thanh nay là thành phố V, tỉnh Hậu Giang thì thống nhất giao cho ông quản lý, thờ cúng ông bà. Tuy nhiên, ông không biết lý do vì sao bà Võ Thị L được Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất vào ngày 11/01/2002 và bà L hiện rao bán, cho thuê ngôi nhà này khắp nơi. Nay ông yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà đã cấp cho bà L, công nhận cho ông quyền sử dụng căn nhà và đất theo đúng như sự phân chia của mẹ ông.

Bị đơn bà Võ Thị L trình bày:

Cha bà là cụ Thuận, chết năm 1990, mẹ bà là cụ Ngãi, chết năm 1995. Lúc còn sống, cha mẹ bà đã chia đất, vườn và nhà máy cho các anh chị của bà xong, riêng bà là con út nên sống cùng cha mẹ bà tại căn nhà số 42, đường Lê Lợi, ngoài ra chưa được chia tài sản nào khác. Tờ chia phần cho các con lập ngày 27/8/1993 do các nguyên đơn cung cấp là giả mạo vì cha mẹ bà không có nhà máy ở Ngã Năm. Khi mẹ bà chết, đến năm 2001 thì bà Võ Thị N là chị của bà trực tiếp đi làm thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất căn nhà số 42 cho bà. Ngày 11/01/2002, bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và quyền sử dụng đất, khi bà N đi làm thủ tục cấp giấy cho bà thì các anh chị của bà đều biết nhưng không ai tranh chấp. Quá trình sử dụng, đến năm 2005 thì bà và chồng là ông Nguyễn Tiến H có sửa chữa căn nhà với số tiền 70.000.000 đồng. Ngày 16/01/2014, ông T, bà Y, ông M và bà N buộc bà làm giấy độc thân và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, nhà và bà N chiếm ngôi nhà trên từ ngày 27/9/2016. Tuy nhiên do

hợp đồng tặng cho trên bà bị ép buộc và khi làm hợp đồng tặng cho thì bà và ông H vẫn còn quan hệ hôn nhân nên đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang hủy bỏ và bà được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS02482 ngày 15/5/2017. Nay bà L có yêu cầu phản tố yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận nhà và đất thuộc quyền sử dụng của bà, buộc bà N và con gái của bà N là Võ Thị Thanh N1 trả lại nhà, đất và số tiền 4.000.000 đồng/tháng vì hành vi chiếm giữ nhà từ ngày 27/9/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị Y, Võ Văn M trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của ông Võ Văn T. Căn nhà số 42 là do cụ Ngãi để lại cho ông Võ Tấn P để thờ cúng ông bà theo Tờ chia phần cho các con của mẹ bà lập ngày 27/8/1993. Tuy nhiên bà L lại tự ý đi làm thủ tục kê khai để được cấp quyền sử dụng. Khi bà L đi kê khai thì không anh chị em nào biết, đến khi phát sinh tranh chấp thì các anh em mới biết bà L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, các chữ ký trong giấy từ chối nhận di sản đều giả mạo. Quá trình sử dụng nhà thì khoảng năm 2016 – 2017 bà Võ Thị L có gửi cho bà N 50.000.000 đồng để sửa chữa nhà. Nay các ông bà yêu cầu công nhận ngôi nhà và đất cho ông P để làm nơi thờ cúng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn G, bà Võ Thị L1 trình bày:

Nguồn gốc căn nhà số 110 nay là căn nhà số 42 là của cha mẹ là cụ Thuận và cụ Ngãi. Các ông, bà không biết gì về việc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu căn nhà và đất cho bà L. Nay bà L và ông G yêu cầu giữ lại căn nhà trên để làm nơi thờ cúng theo di nguyện của cha mẹ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị N đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị Thanh N1 trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của ông Võ Văn T. Căn nhà số 42 là do cụ Ngãi để lại cho ông Võ Tấn P để thờ cúng ông bà theo Tờ chia phần cho các con của mẹ bà lập ngày 27/8/1993. Tuy nhiên, bà L lại tự ý đi làm thủ tục kê khai để được cấp quyền sử dụng. Việc bà L cho rằng bà là người đi làm thủ tục để cấp quyền sử dụng ngôi nhà cho bà L là không đúng, vì khi bà L đi kê khai chỉ có bà ký tên, còn các anh chị em còn lại không hay biết, đến khi phát sinh tranh chấp thì các anh em mới biết bà L được cấp giấy chứng nhận và các chữ ký trong giấy từ chối nhận di sản đều giả mạo. Quá trình sử dụng nhà thì khoảng năm 2016 – 2017 bà Võ Thị L có gửi cho bà 50.000.000 đồng để sửa chữa nhà. Nay bà yêu cầu công nhận ngôi nhà và đất là của ông P để làm nơi thờ cúng ông bà. Đối với yêu cầu của bà L buộc bà và bà N1 trả số tiền

4.000.000 đồng/tháng thì bà không đồng ý vì đây là tài sản của cha mẹ để lại các con có quyền quản lý sử dụng, không phải là tài sản riêng của bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tiến H trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của bà L, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì các anh chị của bà L đã làm giả Tờ chia phần cho các con lập ngày 27/8/1993 để chiếm nhà và đất. Đối với số tiền tu sửa nhà 70.000.000 đồng thì ông không yêu cầu gì cho ông mà giao hết cho bà L được sở hữu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L, Võ Anh T, Võ Anh K, Võ Ngọc T, Võ Tấn T thống nhất trình bày:

Bà Lợi là vợ của ông Võ Văn T1, còn anh Tuấn, anh Kiệt, chị Tuyết, anh Thông là con của ông T1. Các ông bà đều thừa nhận khi còn sống ông Thuận và bà Ngải đã chia phần hết cho các con, còn đối với tờ từ chối nhận di sản thì các ông bà không biết và cũng không có ký tên. Trong vụ án này, các ông bà không có yêu cầu chia thừa kế và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Riêng ông Võ Tấn T cho rằng không có liên quan đến vụ án, không yêu cầu gì và từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V trình bày:

Do ông H và bà L phải thực hiện theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 72/2012/QĐST-DS ngày 27/6/2012. Tuy nhiên, bà L và ông H đã thanh toán xong nợ gốc, chỉ còn phần lãi phát sinh tính đến ngày 21/7/2017 là 57.277.358 đồng. Để đảm bảo quá trình thi hành án nên Chi cục thi hành án dân sự thành phố V đã có thông báo về việc đề nghị các cơ quan tạm thời không xác nhận hay giải quyết cho ông H và bà L chuyển nhượng, tặng cho hay cầm cố tài sản khi chưa có văn bản giải quyết của cơ quan thi hành án. Trong vụ án này, Chi cục thi hành án dân sự thành phố V không có yêu cầu gì đề nghị Tòa án xét xử theo quy định và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang trình bày:

Về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 5404010318 ngày 11/01/2002 cho bà L là đúng theo quy định tại Nghị định số 60-CP ngày 05/7/1994 của Chính phủ vì tại thời điểm cấp bà L cung cấp được chứng thư khai nhận di sản thừa kế theo pháp luật được UBND thị xã Vị Thanh chứng thực ngày 28/11/2001 và đơn xin cấp giấy của bà L được UBND phường I xác nhận đất nhà ở ổn định không tranh chấp, không vi

phạm công trình xây dựng. Tuy nhiên, hiện nay ông T và ông P cung cấp Tờ chia phần cho các con lập ngày 27/8/1993 có nội dung khác với chứng thư khai nhận di sản thừa kế theo pháp luật nên đề nghị Tòa án xem xét theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang trình bày:

Việc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CS02482 ngày 15/5/2017 cho bà L là thực hiện theo Bản án đã có hiệu lực của Tòa án, về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận là đúng theo quy định điểm d, khoản 1 Điều 99 và điểm k khoản 1 Điều 169 Luật đất đai 2013 và Điều 84, khoản 6 Điều 87 nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và khoản 5 Điều 9 thông tư số 24/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2019/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 91, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 228, Điều 273, điểm a khoản 2 Điều 464, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm a khoản 1 Điều 470 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 650, Điều 651, Điều 652, khoản 3 Điều 658, Điều 660 của Bộ luật dân sự 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Tấn P, Võ Văn T.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Võ Thị L.

Tuyên xử:

1. Chia thừa kế và công nhận cho bà Võ Thị L được quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở số 42, đường Lê Lợi, khu vực 1, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang, cụ thể như sau: Thửa đất số 201, tờ bản đồ số 01, diện tích 42,6m², loại đất ở tại đô thị; căn nhà cấp III, loại nhà ở riêng lẻ, diện tích xây dựng 42,6m², diện tích sàn 109,3m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH839285, vào sổ cấp GCN: CS02482, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang cấp ngày 15/5/2017 do bà Võ Thị L đứng tên chủ sử dụng.

2. Ông Võ Văn T được chia thừa kế bằng giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà với số tiền là 815.945.086 đồng (*tám trăm mười lăm triệu, chín trăm bốn mươi lăm nghìn, không trăm tám mươi sáu đồng*).

Buộc bà Võ Thị L hoàn trả lại giá trị chia thừa kế cho ông Võ Văn T số tiền là 815.945.086 đồng (*tám trăm mười lăm triệu, chín trăm bốn mươi lăm nghìn, không trăm tám mươi sáu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Tạm giao cho bà L quản lý kỹ phần của ông Võ Văn S (chết) được chia thừa kế với số tiền là 148.353.652 đồng. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về chia di sản thừa kế của ông Võ Văn S sẽ giải quyết thành vụ án khác.

4. Không chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị L yêu cầu bà Võ Thị N và chị Võ Thị Thanh N1 bồi thường số tiền 4.000.000 đồng/tháng về hành vi chiếm giữ nhà từ ngày 27/9/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm tính tròn là 39 tháng với số tiền là 156.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/01/2020 ông Võ Văn T, bà Võ Thị N, ông Võ Văn M, bà Võ Thị Y, ông Nguyễn Thành Vĩnh Th (người đại diện theo ủy quyền của ông P, ông Luyến, ông G) kháng cáo không đồng ý giao nhà đất số 42 cho bà L, đề nghị giao nhà đất nói trên cho ông T quản lý, đứng tên sở hữu làm nơi thờ cúng, ông T sẽ trả giá trị bằng tiền cho bà L. Bà N và ông M kháng cáo không chấp nhận giao kỹ phần thừa kế được hưởng cho bà L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày lý do kháng cáo, nếu giao nhà đất cho bà L như quyết định của bản án sơ thẩm thì Cơ quan thi hành án sẽ phát mãi tài sản này để thi hành án. Trong khi đó 7 anh em còn lại muốn giữ nhà đất của cha mẹ để lại, giao cho ông T đứng tên, quản lý làm nơi thờ cúng ông bà, cha mẹ. Ngoài ra, các ông bà cũng kháng cáo không chấp nhận việc Tòa án sơ thẩm giao kỹ phần thừa kế của Nĩ, ông M cho bà L thừa hưởng; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo, sửa án sơ thẩm.

Bà L và ông H cho rằng nhà đất trên là tài sản của cha mẹ để lại. Bà L sống cùng cha mẹ trong căn nhà này từ đó đến nay và bà đã được cha mẹ cho căn nhà này. Nay bà L hiện đang đứng tên chủ quyền nhà đất nên tài sản này

thuộc quyền sở hữu của bà L. Bà L đề nghị bác đơn kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang, UBND tỉnh Hậu Giang giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại cấp sơ thẩm, không tham gia tranh tụng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án như sau: Về thủ tục tố tụng, người tiến hành tố tụng, các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, nhà đất tranh chấp là tài sản của cha mẹ các đương sự để lại, do bà L trực tiếp quản lý, sử dụng. Bà N, ông M và vợ con của ông T1 ký giấy từ chối nhận di sản thừa kế, Tòa án cấp sơ thẩm đã giao kỹ phần thừa kế của bà N, ông M, ông T1 cho bà L thừa hưởng và giao nhà đất cho bà L là có căn cứ, đúng quy định; đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định như sau:

Đơn kháng cáo của ông Võ Văn T, bà Võ Thị N, ông Võ Văn M, bà Võ Thị Y, ông Nguyễn Thành Vĩnh Th đúng theo quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1]. Tòa án cấp sơ thẩm xác định nhà đất tại số 110 (nay là số 42) đường Lê Lợi, ấp 5, thành phố V, tỉnh Hậu Giang là di sản do cụ Thuận và cụ Ngải chết để lại, di chúc không hợp pháp. Cụ Thuận và cụ Ngải có tất cả 10 con chung là: Võ Văn T1 (chết ngày 02/3/1998), Võ Văn T, Võ Thị Y, Võ Văn S (chết ngày 04/10/2016), Võ Văn M, Võ Văn G, Võ Thị N, Võ Tấn P, Võ Thị L1 và Võ Thị L nên Tòa án chia di sản của cụ Thuận và cụ Ngải thành 11,5 kỷ phần (trong đó có 10 kỷ phần thừa kế, 1 kỷ phần công gìn giữ tôn tạo nhà đất của bà L và 0,5 kỷ phần công gìn giữ tôn tạo nhà đất của bà N). Các đương sự không kháng cáo đối với các nội dung nêu trên của bản án sơ thẩm. Đồng thời, các đương sự cũng thống nhất giá trị tài sản tranh chấp theo Chứng thư định giá nhà và đất là 1.706.067.000 đồng, để làm căn cứ giải quyết vụ án là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét lại các nội dung trên.

[2]. Xét kháng cáo của ông Võ Văn T, bà Võ Thị N, ông Võ Văn M, bà Võ Thị Y, ông Nguyễn Thành Vĩnh Th yêu cầu giao nhà đất số 42 là di sản của cụ Thuận và cụ Ngải để lại cho ông Võ Văn T quản lý, đứng tên sở hữu để làm nơi thờ cúng thì thấy:

[2.1]. Năm 2001, bà L lập Chứng thư khai nhận thừa kế theo pháp luật đối với nhà đất số 42 do cụ Thuận và cụ Ngãi chết để lại, trong đó xác định cụ Thuận và cụ Ngãi chỉ có 04 người con gồm Võ Thị N, Võ Thị L, Võ Văn M và Võ Văn T1 (chết năm 1998) có vợ là Trần Thị L và 05 người con gồm Võ Ngọc T, Võ Anh T, Võ Ngọc A, Võ Ngọc H, Võ Anh K là không đúng số người (10 người) thuộc hàng thừa kế của cụ Thuận và cụ Ngãi. Do những người trên từ chối nhận di sản nhà đất số 42 để bà L được đứng tên sở hữu nhà đất ngày 11/01/2002 (BL: 66) là không đúng quy định của pháp luật nên ngày 28/03/2007 UBND tỉnh Cần Thơ thu hồi Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà đất nói trên (BL: 122). Do đó, Tòa cấp sơ thẩm xác định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu căn nhà số 42 cho bà L không đúng quy định pháp luật, là có căn cứ.

[2.2]. Hiện nay, vợ chồng ông H và bà L phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 72/2012/QĐST-DS ngày 27/6/2012. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang đã ban hành quyết định kê biên nhà đất số 42, đường L, phường 1, thị xã V, tỉnh Hậu Giang hiện bà L đứng tên, để bảo đảm thi hành án. Như vậy, vợ chồng ông H và bà L không trả hết nợ thì Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang phát mãi nhà đất nói trên để thi hành án, sẽ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người thừa kế.

[2.3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, những người thừa kế đều có nguyện vọng giữ nhà đất số 42, đường L, phường 1, thị xã V, tỉnh Hậu Giang giao cho ông T quản lý, đứng tên sở hữu để làm nơi thờ cúng ông bà, cha mẹ là chính đáng, phù hợp với ý chí của đa số các đồng thừa kế (7 người) nên có căn cứ chấp nhận.

[3]. Xét đơn kháng cáo của bà Võ Thị N, ông Võ Văn M về việc không chấp nhận giao kỷ phần thừa kế cho bà Võ Thị L thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định do bà N, ông M và người thừa kế của ông T1 đã có văn bản từ chối nhận di sản của cụ Thuận và cụ Ngãi, để bà L được cấp giấy chứng nhận nhà đất nên kỷ phần thừa kế của bà N, ông M và người thừa kế của ông T1 thuộc quyền sở hữu của bà L là chưa đủ căn cứ. Bởi vì việc bà N, ông M và một số người thừa kế của ông T1 ký văn bản từ chối nhận di sản để nhằm mục đích cho bà L đứng tên nhà đất là hành vi trái pháp luật, đã bị vô hiệu nên không có giá trị kể từ thời điểm ký, như nhận định tại phần [6] của bản án sơ thẩm là có căn cứ. Khi thụ lý, giải quyết vụ kiện “Tranh chấp di sản thừa kế”, bà N và ông M có yêu cầu hưởng di sản thừa kế nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không chia cho bà N, ông M mà giao kỷ phần thừa kế này cho bà L thừa hưởng là không đúng quy định. Mặt khác, trong số những người thừa kế của ông T1, có người từ chối nhận di sản nhưng cũng có người không có ý kiến và có người Tòa án chưa xác định được địa chỉ nên chưa

thu thập được ý kiến của họ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao kỷ phần của ông T1 cho bà L thừa hưởng cũng chưa đúng quy định của pháp luật.

[4]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Y, ông Th (người đại diện theo ủy quyền của ông P, ông G, bà L) và bà N (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền cho ông M) đều thống nhất giao kỷ phần thừa kế cho ông T đứng tên sở hữu, không yêu cầu thanh toán giá trị bằng tiền nên cần ghi nhận. Do đó, ông T là người thừa kế được sở hữu nhà đất nên có nghĩa vụ thanh toán cho bà L 2 kỷ phần, trị giá là 296.707.304 đồng (2 x 148.353.652đ); kỷ phần thừa kế của ông T1, ông S tạm giao cho ông T quản lý, khi người thừa kế của ông T1, ông S có yêu cầu thì ông T có nghĩa vụ giải quyết.

Sau khi ông T thanh toán tiền cho bà L, gia đình bà L có trách nhiệm giao trả nhà đất trên cho ông T sở hữu, sử dụng; ông T được quyền liên hệ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục chuyển quyền sở hữu nhà ở và đất ở từ tên bà L, sang đứng tên ông T.

[5]. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản tổng cộng 9.900.000 đồng, ông T chịu 8.178.261 đồng, bà L chịu 1.721.739 đồng. Do ông P đã nộp tiền trên nên ông T, bà L có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông P.

Các chi phí tố tụng khác: Dịch thuật 4.310.000 đồng (ủy thác cho Võ Ngọc A lần 2), gửi bưu điện 986.990 đồng, đăng VOV 2.122.500 đồng, tổng cộng là 7.419.490 đồng, ông Võ Tấn P chịu, đã nộp xong.

Chi phí, lệ phí ủy thác tư pháp: Ông Võ Văn T phải chịu 400.000 đồng theo hai biên lai số 0009044 và 0009038 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang và đã nộp xong.

Ông Võ Tấn P được nhận lại 6.400.000 đồng tiền tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp theo các biên lai số 0000141, 0000140 và 0000139, 0000138 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L được hưởng 2 kỷ phần thừa kế có trị giá là 296.707.304 đồng nên bà L phải chịu án phí là 14.835.000 đồng. Yêu cầu phản tố của bà L đòi bà N, chị Nhân bồi thường số tiền 156.000.000 đồng không được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí là 7.800.000 đồng. Tổng cộng bà L phải chịu số tiền án phí là 22.635.000 đồng. Ông T, bà Y, bà L, bà N là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm; ông P, ông M, ông G đang định cư ở nước ngoài, không thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật người cao tuổi nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; ông T là người được hưởng kỷ phần thừa kế của ông P, ông M, ông G nên phải chịu án phí là 22.253.000 đồng;

[4]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không phù hợp

với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận; chấp nhận đơn kháng cáo của người kháng cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm, người kháng cáo không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

I. Chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn T (T), ông Võ Tấn P, bà Võ Thị Y, ông Võ Văn M, ông Võ Văn G, bà Võ Thị L1, bà Võ Thị N; Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2019/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang như sau:

Căn cứ khoản 2, khoản 5 và khoản 6 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 228, điểm a khoản 2 Điều 464, điểm đ khoản 1 Điều 469, điểm a khoản 1 Điều 470 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 650, Điều 651, Điều 652, khoản 3 Điều 658, Điều 660 Bộ luật dân sự 2015. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn T (T), Võ Tấn P; không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Võ Thị L.

Tuyên xử:

1. Nhà đất tại số 42, đường L, khu vực 1, phường 1, thành phố V, tỉnh Hậu Giang, cụ thể như sau: Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 01, diện tích 42,6m², loại đất ở tại đô thị; căn nhà cấp III, loại nhà ở riêng lẻ, diện tích xây dựng 42,6m², diện tích sàn 109,3m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH839285, vào sổ cấp GCN: CS02482, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang cấp ngày 15/5/2017 bà Võ Thị L đứng tên là di sản thừa kế của cụ Võ Văn Thuận và cụ Võ Thị Ngãi để lại.

2. Giao cho ông Võ Văn T (T) được sở hữu nhà và sử dụng đất tại số 42, đường L, khu vực 1, phường 1, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Ông Võ Văn T có nghĩa vụ thanh toán giá trị 2 kỷ phần cho bà Võ Thị L là 296.707.304 đồng;

Tạm giao cho ông Võ Văn T (T) quản lý kỷ phần của ông Võ Văn T1, ông Võ Văn S khi nào các con của ông Võ Văn T1, ông Võ Văn S có yêu cầu thì ông Võ Văn T (T) có nghĩa vụ giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Buộc gia đình bà Võ Thị L, ông Nguyễn Tiến H phải giao trả toàn bộ nhà đất tại số 42, đường L, khu vực 1, phường 1, thành phố V, tỉnh Hậu Giang cho ông Võ Văn T (T) khi nhận đủ số tiền trên.

4. Ông Võ Văn T (T) được quyền liên hệ các Cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên nhà đất tại số 42, đường L, khu vực 1, phường 1, thành phố V, tỉnh Hậu Giang từ bà Võ Thị L sang tên ông Võ Văn T (T) được quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo quy định.

5. Không chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị L yêu cầu bà Võ Thị N và chị Võ Thị Thanh N1 bồi thường số tiền 4.000.000 đồng/tháng về hành vi chiếm giữ nhà từ ngày 27/9/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm tính tròn là 39 tháng với số tiền là 156.000.000 đồng.

6. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Ông Võ Văn T (T) chịu 8.178.261 đồng, bà Võ Thị L chịu 1.721.739 đồng để hoàn trả lại cho ông Võ Tấn P.

Các chi phí tố tụng khác: Dịch thuật 4.310.000 đồng, gửi bưu điện 986.990 đồng, đăng VOV 2.122.500 đồng, tổng cộng là 7.419.490 đồng, ông Võ Tấn P chịu đã nộp xong. Chi phí, lệ phí ủy thác tư pháp: ông Võ Văn T (T) phải chịu 400.000 đồng theo hai biên lai số 0009044 và 0009038 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang, đã nộp xong. Ông Võ Tấn P được nhận lại 6.400.000 đồng tiền tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp theo các biên lai số 0000141, 0000140 và 0000139, 0000138 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị L phải nộp 22.635.000 đồng; khấu trừ 2.300.000 đồng theo Biên lai thu số 0017226 ngày 04/7/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang nên bà Võ Thị L còn phải nộp 20.335.000 đồng.

- Ông Võ Văn T (T) phải nộp 22.253.000 đồng; khấu trừ 3.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0014928 ngày 11/01/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang nên ông Võ Văn T (T) còn phải nộp là 19.253.000 đồng.

- Ông Võ Tấn P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng theo Biên lai số 0014929 ngày 11/01/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 7c và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

II. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Văn T (T), ông Võ Tấn P, bà Võ Thị Y, ông Võ Văn M, ông Võ Văn G, bà Võ Thị L1, bà Võ Thị N không phải chịu nên hoàn trả cho mỗi người 300.000 đồng, theo biên lai số 0003310, 0003316, 0003313, 0003312, 0003315, 0003314, 0003311 ngày 14/01/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang;
- Đường sự (13);
- Lưu VP (6), HS (1), 25 PTHH.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý